Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In DZ090

Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 1 - Năm Học 08-09

Lớp: DH06QL (Quản lý đất đai)
Môn Học: Hệ thống nông nghiệp (909708-01)
CBGD: Nguyễn Du (571)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06124002	CHÂU ĐẶNG	AN	09/11/88		4	bốn		
2	06124001	LÊ DUY	AN	15/04/86		4	bốn		
3	06124003	NGUYỄN THANH	AN	23/04/88		4	bốn		
4	06124005	HÀ QUỲNH	ANH	30/10/88		4	bốn		
5	06124006	VÕ THỊ QUỲNH	ANH	21/07/88		4	bốn		
6	06124009	ĐINH HOÀNG	BẢO	18/08/87		6	sáu		
7	06124010	NGUYỄN CÔNG	BẰNG	07/10/87		5	năm		
8	06124013	VŨ THỊ KIM	CÚC	24/08/87		7	bảy		
9	06124014	LÊ QUỐC	CƯỜNG	10/12/88		3	ba		
10	05124005	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	27/08/87	/	/	/	/	Vắng
11	06124015	HÀ NGUYỄN XUÂN	DIỆU	23/01/88		6	sáu		
12	06124016	PHÙNG THỊ THÙY	DUNG	02/07/88		6	sáu		
13	06124018	PHAN TẤN	DŨNG	20/12/88		5	năm		
14	06124017	TẠ QUANG	DŨNG	05/12/88		4	bốn		
15	06124021	NGUYỄN VĂN	DUY	24/04/86		4	bốn		
16	06124019	TRƯƠNG THÀNH AN	DUY	01/01/88		4	bốn		
17	06124022	NGUYỄN THỊ CHÂU	DUYÊN	12/08/87		5	năm		
18	06124025	NGUYỄN KIẾN	ĐẠT	09/03/88		4	bốn		
19	06124029	PHAN NGUYÊN UYÊN	HẠ	21/11/88		8	tám		
20	06124030	HUỲNH LONG	HẢI	30/11/88		4	bốn		
21	06124032	NGUYỄN QUÂN	HẢI	20/08/87		4	bốn		
22	06124033	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	29/06/88		4	bốn		
23	06124036	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	25/10/88		5	năm		
24	06124035	LÊ MAI	HÂN	02/08/88		3	ba		
25	06124037	NGUYỄN XUÂN	HIỀN	25/07/87		4	bốn		
26	06124040	NGUYỄN MINH	HIẾU	20/02/87		6	sáu		
27	06124041	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	02/12/88		8	tám		
28	06124043	NGUYỄN THỊ THANH	HÒA	31/05/85		4	bốn		
29	06124045	TRỊNH XUÂN	HOÀNG	13/01/85		7	bảy		
30	06124044	VÕ MINH	HOÀNG	15/12/88		4	bốn		
31	06124046	VÕ TRUNG	HỌC	09/09/88		9	chín		
32	06124047	NGUYỄN THỊ CẨM	HỒNG	25/04/88		6	sáu		
33	06124049	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	12/05/86		6	sáu		
34	06124050	ĐỖ VĂN	HỢP	26/03/88		3	ba		
35	06124051	NGUYỄN BÁ	HUÂN	01/07/87		6	sáu		
36	06124054	HỒ THỊ LAN	HƯƠNG	14/11/87		8	tám		
37	06124055	NGUYỄN ĐỖ THÙY	HƯƠNG	19/11/88		5	Năm		

Trang 01

Lưu ý: Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH06QL (Quản lý đất đai)
Môn Học: Hệ thống nông nghiệp (909708-01)
CBGD: Nguyễn Du (571)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
38	06124056	VÕ MẠNH	KHANG	02/03/88		4	bốn		
39	06124058	NÔNG HỒNG	KHÁNH	21/11/84		2	hai		
40	06124057	TRẦN DUY	KHÁNH	08/10/80		5	năm		
41	06124060	LƯƠNG HOÀNG	LAN	25/12/86		4	bốn		
42	06124061	PHẠM THỊ HƯƠNG	LAN	08/11/88		8	tám		
43	06124062	HOÀNG KIM	LÂM	01/11/86		4	bốn		
44	06124063	NGUYỄN THỊ NGỌC	LỆ	16/12/87		6	sáu		
45	06124066	LÊ VĨNH	LINH	17/02/87		8	tám		
46	06124064	NGUYỄN CHÍ	LINH	19/12/84		4	bốn		
47	06124065	NGUYỄN VĂN	LINH	07/02/88		4	bốn		
48	06124067	LÊ ĐĂNG	LONG	09/12/88		4	bốn		
49	06124070	ĐÀO VĂN	LƯỢNG	28/09/88		4	bốn		
50	06124072	NGUYỄN XUÂN	LÝ	20/05/87		4	bốn		
51	06124073	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	27/11/87		6	sáu		
52	06124074	ĐỒNG THỊ	MÂY	29/12/86		4	bốn		
53	06124076	NGUYỄN	MINH	12/12/88		3	ba		
54	06124077	NGUYỄN THẾ	MINH	23/03/88		4	bốn		
55	06124075	NGUYỄN THỊ BÌNH	MINH	28/10/87		7	bảy		
56	06124078	NGUYỄN VĂN	MINH	07/02/88		5	năm		
57	06124079	ĐỖ HOÀI	NAM	27/09/87		4	bốn		
58	06124080	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGA	11/07/88		7	bảy		
59	06124083	NGUYỄN THỊ	NGỮ	27/09/87		8	tám		
60	06124084	TRẦN NGUYỄN THANH	NHÃ	17/01/87		6	sáu		
61	06124085	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	NHI	06/03/88		7	bảy		
62	06124086	NGUYỄN THÀNH	NHƠN	01/05/87		6	sáu		
63	06124087	ĐINH THỊ TUYẾT	NHUNG	06/01/88		5	năm		
64	06124089	NGUYỄN THỊ MỸ	NỮ	03/01/88		6	sáu		
65	06124090	DƯƠNG TẤN	PHÁT	06/02/87		4	bốn		
66	06124093	HUỲNH MỸ	PHÚC	20/10/87		5	năm		
67	06124094	VÕ PHẠM LINH	PHỤNG	12/05/88		4	bốn		
68	06124095	CAO THỊ THÚY	PHƯƠNG	19/07/87		6	sáu		
69	06124097	PHẠM THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	02/03/88		4	bốn		
70	06124098	ĐẶNG VĂN	QUYỀN	11/06/88		5	năm		
71	06124099	TRẦN THỊ KIM	SA	15/02/88		6	sáu		
72	06124100	VÕ THỊ KIM	SANG	25/07/88		5	năm		
73	06124103	THÁI THÀNH	TÂN	08/05/88		4	bốn		
74	06124105	LÂM VĂN	TÂN	/ /85		4	bốn		
75	06124106	NGUYỄN MINH	THÁI	25/11/88		5	năm		
76	06124109	CHÂU VIỆT	THANH	01/01/88		6	sáu		

Lưu ý: Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH06QL (Quản lý đất đai)
Môn Học: Hệ thống nông nghiệp (909708-01)
CBGD: Nguyễn Du (571)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
77	06124107	NGUYỄN CHÍ	THANH	20/03/88		4	bốn		
78	06124108	NGUYỄN THỊ NGỌC	THANH	11/10/88		5	năm		
79	06124110	NGUYỄN XUÂN	THANH	20/03/87		4	bốn		
80	06124114	TRƯƠNG QUỐC	THẮNG	20/11/88		5	năm		
81	06124116	TẠ THỊ HỒNG	THÊM	27/12/87		4	bốn		
82	06124118	LÊ QUỐC	THỊNH	18/12/88		5	năm		
83	06124119	TRƯƠNG THỊ NGỌC	THU	15/01/88		4	bốn		
84	06124120	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	14/10/88		8	tám		
85	06124121	VÕ THỊ MINH	THƯ	06/10/88		4	bốn		
86	06124122	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯƠNG	20/04/87		4	bốn		
87	06124124	DANH	TIỀN	10/01/85		5	năm		
88	06124128	DƯƠNG QUỐC	TIẾN	08/03/86		4	bốn		
89	06124126	PHAN ANH	TIẾN	27/04/88		5	năm		
90	06124130	TRẦN VĂN	TÍN	05/12/88		6	sáu		
91	06124131	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	23/01/88		6	sáu		
92	06124134	PHAN THỊ	TRÍ	22/03/86		4	bốn		
93	05124140	VŨ HẢI	TRIỀU	20/12/86		4	bốn		
94	06124135	PHAN THỊ CẨM	TÚ	25/03/88		4	năm		
95	06124136	PHẠM MINH	TUẤN	10/08/87		2	hai		
96	05124147	NGUYỄN PHẠM MINH	TUYỀN	22/11/86		5	năm		
97	06124137	TRẦN VĂN	TƯỜNG	10/06/86		4	bốn		
98	06124138	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	20/10/87		5	năm		
99	06124139	NGUYỄN VŨ KHÁNH	VÂN	28/08/88		6	sáu		
100	06146064	NÔNG CÔNG	VIÊN	01/01/86		4	bốn		
101	06124140	PHẠM ANH	VIỆT	23/11/88		4	bốn		
102	06124142	NGUYỄN THỊ	XOAN	04/05/87		4	bốn		
103	06124143	TRẦN THỊ CẨM	XUÂN	25/08/88		4	bốn		
104	06124144	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	04/03/87		5	năm		
105	06124145	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	29/11/88		9	chín		

Tổng số sinh viên dự thi: 104 Số bài thi:_____ Số tờ:_____ Kỳ thi ngày 12 Tháng 12 Năm 2008

Số sinh viên đạt:_____;Không đạt:_____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

ĐT Khoa

Nguyễn Du

Lưu ý: Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú